

MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Nội dung về công tác phòng, chống tham nhũng
(Kỳ báo cáo: Từ ngày ... đến ngày ...)

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

(Báo cáo số liệu theo các Biểu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN) trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

a. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN.

b. Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN.

c. Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

- Việc hoàn thiện các cơ chế, sửa đổi, bổ sung, thay thế theo thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý như tài sản công, tài chính công; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý quy hoạch; quản lý, sử dụng đất đai; phân bổ ngân sách; y tế; giáo dục; tổ chức cán bộ; thủ tục hành chính...;

- Danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng.

d. Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN.

đ. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN.

- Nêu cụ thể:

+ Số cuộc/lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN, số lượt người tham gia;

+ Số lượng tài liệu về PCTN được xuất bản (*cụ thể những loại nào: Sách, tờ rơi, đề cương,...*);

+ Số lượng băng rôn, áp phích;

+ Số tin bài được đăng tải trên Trang thông tin điện tử; số tin bài được phát sóng, phát thanh trên truyền hình, loa đài.

+ Các hình thức tuyên truyền khác.

2. Về thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, đơn vị, địa phương

a. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

- Kết quả công khai minh bạch theo điều 10 của Luật phòng, chống tham nhũng;

- Việc thực hiện trách nhiệm giải trình.

b. Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

c. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

- Kết quả kiểm tra thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

- Kết quả thực hiện quy định về tặng quà và nhận quà tặng;

- Việc tổ chức rà soát xung đột lợi ích, kết quả giải quyết xung đột lợi ích.

d. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn.

- Việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác, công khai kế hoạch;

- Kết quả thực hiện: Số người đã chuyển đổi vị trí công tác, số người chưa thực hiện chuyển đổi, nguyên nhân;

- Số người bị xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.

đ. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

e. Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ (trong đó số người: kê khai lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ).

- Số bản kê khai được công khai, hình thức công khai.

- Số người được xác minh tài sản thu nhập; kết quả xác minh.

- Số cuộc kiểm tra việc thực hiện quy định về kê khai, công khai tài sản, thu nhập; kết quả kiểm tra.

- Số người bị xử lý do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; hình thức xử lý.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, đơn vị, địa phương

- Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện.

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo.

a. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

b. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra

- Kết quả công tác thanh tra, kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra (*kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...*);

- Kết quả thực hiện các kiến nghị;

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra; kết quả xử lý.

c. Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng:

+ Số kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận về những hành vi tham nhũng, những nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong thực thi nhiệm vụ công vụ của người có chức vụ, quyền hạn (*tiếp nhận trực tiếp, qua đường dây nóng, ...*);

+ Số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã được giải quyết, kết quả giải quyết; kết quả xử lý cá nhân, tổ chức vi phạm;

+ Số vụ tham nhũng, đối tượng tham nhũng phát hiện thông qua báo cáo về hành vi tham nhũng; kết quả xử lý.

- Việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

+ Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng;

+ Số vụ tham nhũng, đối tượng tham nhũng phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo; kết quả xử lý;

- Kết quả bảo vệ người phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng (*nếu có*): số người yêu cầu được bảo vệ; số người được cơ quan chức năng áp dụng biện pháp bảo vệ; số người bị xử lý do trả thù, trù dập; số người đứng đầu bị xử lý do để xảy ra tình trạng người tố cáo, phản ánh, tố giác bị trả thù, trù dập.

d. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác

- Việc tiếp nhận, xử lý thông tin và phát hiện, xử lý tham nhũng qua đường đường dây nóng của Ủy ban nhân dân tỉnh về chi phí không chính thức (*Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum*);

- Việc phát hiện tham nhũng qua hoạt động khác.

đ. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương

e. Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện;
- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:
- + Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính;
- + Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp.

f. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu.
- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác.
- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:

a. Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

b. Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện).

c. Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- Kết quả xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng;
- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ;
- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu;
- Kết quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước;
- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.
- Kết quả thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

a. Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN.

b. Những kết quả, đóng góp của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong PCTN.

c. Kết quả bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng.

6. Hợp tác quốc tế về PCTN

a. Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

b. Kết quả thực hiện các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong PCTN và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về PCTN (*nếu có*)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình

a. Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị và nguyên nhân

b. So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a. Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*).

b. Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị.

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN:

- Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN;

- Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

a. Phương hướng chung trong thời gian tới

b. Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện

c. Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

2. Kiến nghị, đề xuất

a. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về PCTN (*nếu phát hiện sơ hở, bất cập*)

b. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN (*nếu có vướng mắc*)

c. Đề xuất cơ quan có thẩm quyền áp dụng các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTN, khắc phục những khó khăn, vướng mắc

d. Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

Các cơ quan báo cáo kết quả tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Kết quả cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính;
- Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính;
- Số thủ tục hành chính công được áp dụng trên địa bàn tỉnh; số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4; số lượt thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên.

2. Sở Tư pháp

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh (*trong đó có nội dung về PCTN*);
- Tổng hợp, báo cáo việc xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp; việc kiểm tra, rà soát, theo dõi thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Nội vụ (Biểu 04/PCTN, 05/PCTN)

- Kết quả công tác cải cách hành chính;
- Việc đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh;
- Kết quả kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của các đơn vị, của cán bộ, công chức, viên chức (*Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra; số đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm; kết quả xử lý*);
- Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Việc xem xét xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng;

- Kết quả xử lý cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật;
- Các giải pháp cụ thể để phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng trong công tác tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh;
- Kết quả kiểm tra việc ban hành các quy định, quy tắc về công tác PCTN đối với các tổ chức xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện theo Văn bản số 432/HD-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài chính

- Việc ban hành các văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;
- Việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xây dựng và thực hiện các quy định về định mức, chế độ, tiêu chuẩn, việc công khai trong lĩnh vực tài chính và tài sản công;
- Tình hình thực hiện về ngân sách, định mức, tiêu chuẩn, chế độ trên địa bàn tỉnh;
- Kết quả thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về định mức, chế độ, tiêu chuẩn, thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí tại các đơn vị, địa phương để kịp thời chấn chỉnh, kiến nghị xử lý hoặc xử lý đối với hành vi vi phạm;
- Các giải pháp cụ thể về phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động mua sắm tài sản công, bảo đảm công khai, minh bạch, ngăn chặn tình trạng “*chi trả hoa hồng*” trong việc mua sắm tài sản công trên địa bàn tỉnh;

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum

- Kết quả thực hiện Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.
- *Sở Giáo dục và Đào tạo*: Các giải pháp cụ thể để cải thiện, nâng cao sự hài lòng của phụ huynh, học sinh đối với dịch vụ giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh. Trong đó tập trung các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng dạy học; công khai đầy đủ, minh bạch các khoản thu, đóng góp của phụ huynh; kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khoản thu tại các trường công lập thuộc phạm vi quản lý; cung cấp thông tin giữa nhà trường với phụ huynh học sinh thông qua các ứng dụng trên thiết bị di động, thiết bị điện tử...

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh.

7. Sở khoa học và Công nghệ

- Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tình hình hoạt động của doanh nghiệp; những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền;

- Kết quả kiểm tra việc ban hành các quy định, quy tắc về công tác PCTN đối với các công ty đại chúng trên địa bàn tỉnh;

- Kết quả công bố, công khai quy hoạch của tỉnh, danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo quy định của pháp luật để nhà đầu tư lập hồ sơ và thực hiện dự án đầu tư theo quy định; đồng thời có văn bản hướng dẫn, cung cấp các thông tin, các quy định có liên quan để các địa phương công khai rộng rãi đến tổ chức, cá nhân biết;

- Kết quả kiểm tra việc thực hiện công bố, công khai tại các cơ quan, địa phương đối với nội dung thuộc ngành quản lý;

- Các giải pháp để rút ngắn thời gian giải quyết cho các doanh nghiệp về thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... Rà soát, kịp thời tham mưu, giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư triển khai, thực hiện đúng kế hoạch, đưa dự án vào hoạt động có hiệu quả;

- Các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, công khai, minh bạch, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong khuôn khổ quy định của pháp luật về chứng nhận đăng ký đầu tư, chứng nhận đăng ký kinh doanh...;

- Các giải pháp cụ thể về phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng thuộc lĩnh vực đầu tư công, đấu thầu trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, ngăn chặn tình trạng doanh nghiệp phải “*chi trả hoa hồng*”, tình trạng “*lợi ích nhóm*”.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường

Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể:

- Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi bổ sung, hủy bỏ các văn bản quy định về đất đai, môi trường, khoáng sản của tỉnh nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, phát huy nguồn lực đất đai, tài nguyên đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh;

- Công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, trong đó chú trọng tiếp tục cắt giảm các thủ tục không còn phù hợp, thủ tục gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp và dễ xảy ra tham nhũng liên quan đến

lĩnh vực thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường đất, đấu giá đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Rà soát thực hiện đầy đủ công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khung giá đất và các quy định chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của tỉnh theo quy định; đồng thời có văn bản hướng dẫn, cung cấp các thông tin, các quy định có liên quan để các địa phương công khai rộng rãi đến tổ chức, cá nhân biết;

- Kết quả kiểm tra việc thực hiện công bố, công khai tại các cơ quan, địa phương đối với nội dung thuộc ngành quản lý;

- Các giải pháp thực hiện rút ngắn thời gian xác định giá đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền kịp thời xử lý các vướng mắc còn tồn đọng về đất đai của doanh nghiệp;

- Kết quả thanh tra, kiểm tra nội bộ, kiểm tra đột xuất việc thực thi công vụ, nhiệm vụ, công tác chuyên môn đối với các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực quản lý, phụ trách nhằm phòng ngừa, phát sinh tiêu cực, tham nhũng trong ngành tài nguyên và môi trường;

- Các giải pháp cụ thể về phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Các biện pháp ngăn chặn, không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, vòi vĩnh khi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đi làm các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai.

10. Sở Xây dựng

Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Rà soát thực hiện công khai các thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn mà theo quy định phải công bố công khai để người dân biết; đồng thời có văn bản hướng dẫn, cung cấp các thông tin, các quy định có liên quan để các địa phương công khai rộng rãi đến tổ chức, cá nhân biết;

- Kết quả kiểm tra việc thực hiện công bố, công khai tại các cơ quan, địa phương đối với nội dung thuộc ngành quản lý;

- Kiểm tra, tuyên truyền việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên lĩnh vực xây dựng đã được cung cấp, niêm yết công khai (*nhất là thủ tục liên quan lĩnh vực cấp phép xây dựng*) để việc sử dụng hiệu quả và thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp;

- Các biện pháp ngăn chặn, không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, vòi vĩnh khi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đi làm các thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp giấy phép xây dựng;

- Kết quả kiểm tra nội bộ, kiểm tra đột xuất việc thực thi công vụ, nhiệm vụ, công tác chuyên môn đối với các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên

chức nhằm phòng ngừa, phát sinh tiêu cực, tham nhũng trong công tác làm thủ tục cấp phép xây dựng cho người dân và doanh nghiệp.

11. Sở Y tế

Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để cải thiện, nâng cao sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập trên địa bàn tỉnh; trong đó tập trung cải thiện thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, y, bác sĩ; chất lượng khám, chữa bệnh; giảm tình trạng quá tải giường bệnh; giảm thời gian chờ đợi làm thủ tục, thời gian chờ đợi khám bệnh của bệnh nhân...;

- Kiểm tra, rà soát, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng; tham mưu và triển khai có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh;

- Việc tiếp nhận thông tin của người dân đối với chất lượng, thái độ phục vụ của các cơ sở, cán bộ nhân viên y tế; xử lý kịp thời các vụ việc, hành vi tiêu cực; thông tin, công khai rộng rãi tới người dân;

12. Kho bạc Nhà nước tỉnh

- Tình hình thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt;

- Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, số vụ vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt;

- Số liệu về trả lương qua tài khoản đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh.

13. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh

- Tổng giá trị giao dịch trên địa bàn toàn tỉnh qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, tỷ trọng % tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán;

- Kết quả thực hiện công tác PCTN của các tổ chức tín dụng; kết quả thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác PCTN của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh.

14. Công an tỉnh

- Thống kê danh sách các vụ án tham nhũng được phát hiện, điều tra, khởi tố trong kỳ theo Biểu số 06/PCTN.

15. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh

- Thống kê các vụ án tham nhũng được truy tố trong kỳ theo Biểu số 07/PCTN.

16. Tòa án nhân dân tỉnh

- Thống kê các vụ án tham nhũng được đưa ra xét xử trong kỳ theo Biểu số 08/PCTN.

17. Cục Thi hành án dân sự tỉnh:

- Thống kê tình hình thi hành án đối với các vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh theo Biểu số 09/PCTN.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

Lưu ý: Cần nêu rõ văn bản triển khai, số liệu dẫn chứng cụ thể đối với từng nội dung nhận xét, đánh giá và có sự so sánh với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước./
